

30 ml dung dịch acid hydrocloric 1 M (TT), lắc kỹ để hòa tan, thêm 3 g kali bromid (TT), làm lạnh trong nước đá và chuẩn độ chậm với dung dịch natri nitrit 0,1 M (CD), lắc liên tục trong quá trình định lượng. Xác định điểm kết thúc bằng phương pháp đo điện (Phụ lục 10.1 hoặc 10.2).

1 ml dung dịch natri nitrit 0,1 M (CD) tương ứng với 12,42 mg $C_{12}H_{12}N_2O_2S$.

Bảo quản

Nơi khô mát, tránh ánh sáng.

Loại thuốc

Thuốc điều trị bệnh phong.

Hàm lượng thường dùng

50 mg; 100 mg.

DẦU PARAFIN

Là một hỗn hợp các hydrocarbon lỏng bão hòa lấy từ dầu mỏ, đã được tinh chế.

Tính chất

Chất lỏng trơn nhờn, trong suốt, không màu, không phát quang dưới ánh sáng ban ngày.

Thực tế không tan trong nước, hơi tan trong ethanol 96 %, hòa trộn được với các hydrocarbon.

Định tính

Có thể chọn một trong hai nhóm định tính sau:

Nhóm 1: A, C.

Nhóm 2: B, C.

A. Phổ hấp thụ hồng ngoại (Phụ lục 4.2) của chế phẩm phải phù hợp với phổ hấp thụ hồng ngoại đối chiếu của parafin lỏng.

B. Lấy 1 ml chế phẩm, thêm 1 ml dung dịch natri hydroxyd 0,1 M (TT), đun sôi cẩn thận trong 30 s, vừa đun vừa lắc đều. Để nguội ở nhiệt độ phòng và để 2 lớp tách hoàn toàn. Thêm vào lớp nước 0,1 ml dung dịch phenolphthalein (TT), dung dịch có màu đỏ.

C. Chế phẩm phải đáp ứng yêu cầu phép thử Độ nhớt.

Giới hạn acid - kiềm

Thêm 20 ml nước sôi vào 10 ml chế phẩm và lắc mạnh trong 1 min. Gạn lấy lớp nước và lọc. Thêm vào 10 ml dịch lọc 0,1 ml dung dịch phenolphthalein (TT), dung dịch không màu. Màu của chỉ thị phải chuyển sang hồng khi thêm không quá 0,1 ml dung dịch natri hydroxyd 0,1 N (CD).

Tỷ trọng tương đối

Từ 0,827 đến 0,890 (Phụ lục 6.5).

Độ nhớt

Từ 110 mPa·s đến 230 mPa·s (Phụ lục 6.3).

Hydrocarbon thơm đa vòng

Sử dụng các thuốc thử dùng cho quang phổ tử ngoại.

Lấy 25,0 ml chế phẩm vào bình gạn dung tích 125 ml (không bôi trơn cổ và nút mài). Thêm 25 ml hexan (TT) đã được lắc trước 2 lần với dimethyl sulfoxid (TT), theo tỷ lệ dimethyl sulfoxid - hexan (1 : 5). Trộn đều và thêm 5,0 ml dimethyl sulfoxid (TT). Lắc mạnh trong 1 min và để yên đến khi hỗn hợp tách thành 2 lớp. Gạn lớp dưới sang một bình gạn khác, thêm 2 ml hexan (TT) và lắc mạnh hỗn hợp. Để yên đến khi hỗn hợp tách thành 2 lớp trong. Tách lớp dưới và đo phổ hấp thụ (Phụ lục 4.1) của dung dịch thu được trong khoảng bước sóng từ 260 nm đến 420 nm, mẫu trắng được chuẩn bị bằng cách lắc mạnh 5,0 ml dimethyl sulfoxid (TT) với 25 ml hexan (TT) trong 1 min, lấy lớp trong ở dưới. Dung dịch đối chiếu là dung dịch naphthalen (TT) nồng độ 7 mg/l trong trimethylpentan (TT). Đo độ hấp thụ của dung dịch đối chiếu ở bước sóng 275 nm, dùng trimethylpentan (TT) là mẫu trắng. Độ hấp thụ ánh sáng của dung dịch thử trong khoảng bước sóng từ 260 nm đến 420 nm không được có giá trị nào lớn hơn 1/3 giá trị độ hấp thụ đo được của dung dịch đối chiếu ở bước sóng 275 nm.

Chất dễ carbon hóa

Lấy một ống nghiệm nút mài dài 125 mm, đường kính trong 18 mm, chia vạch 5 ml và 10 ml. Tráng rửa lần lượt bằng nước nóng (không dưới 60 °C), aceton (TT), heptan (TT) và cuối cùng bằng aceton (TT). Sấy khô ở 100 °C đến 110 °C, để nguội trong bình hút ẩm. Lấy 5 ml chế phẩm vào ống nghiệm, thêm 5 ml acid sulfuric không có nitrogen (TT₁), đóng nút mài và lắc mạnh hết mức có thể trong 5 s theo chiều dọc của ống. Nới lỏng nút và ngay lập tức đun cách thủy trong 10 min, tránh để ống tiếp xúc với đáy và thành của nồi cách thủy. Cứ sau 2 min, 4 min, 6 min, 8 min lại lấy ống ra và lắc mạnh hết mức có thể trong 5 s theo chiều dọc của ống. Sau 10 min, lấy ống ra và để yên 10 min. Ly tâm với tốc độ 2000 r/min trong 5 min. Lớp dưới có màu không được đậm hơn màu của dung dịch đối chiếu là hỗn hợp gồm 0,5 ml dung dịch gốc màu xanh, 1,5 ml dung dịch gốc màu đỏ, 3,0 ml dung dịch gốc màu vàng và 2 ml dung dịch acid hydrocloric 0,1 M (TT) (Phụ lục 9.3).

Parafin rắn

Làm khô một lượng thích hợp chế phẩm ở 100 °C trong 2 h và để nguội trong bình hút ẩm có chứa acid sulfuric (TT). Chuyển chế phẩm sang một ống thủy tinh có đường kính trong khoảng 25 mm, đẩy nút ống lại và nhúng ống vào nước đá. Sau 4 h, chất lỏng trong ống phải đủ trong để dễ dàng quan sát được một vạch đen có chiều rộng 0,5 mm, trên nền trắng đặt thẳng đứng ở phía sau ống nghiệm.

Bảo quản

Tránh ánh sáng.

Loại thuốc

Nhuận tràng.

Chế phẩm

Nhũ dịch uống.